

Số: /SNN-CCPTNT

Bắc Kạn, ngày ... tháng 3 năm 2020

V/v đề nghị tham gia ý kiến về dự thảo Kế hoạch phát triển ngành nghề nông thôn giai đoạn 2020-2025 tỉnh Bắc Kạn

Kính gửi:

- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài Chính, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn hóa - Thể thao và Du lịch;
- Văn Phòng điều phối xây dựng NTM và Giảm nghèo tỉnh;
- Liên minh hợp tác xã tỉnh ;
- UBND các huyện, thành phố.

Căn cứ Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 5809/UBND-KT ngày 16 tháng 10 năm 2018 về việc triển khai thực hiện Nghị định số 52/2018/ NĐ-CP của Chính phủ.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã dự thảo Kế hoạch phát triển ngành nghề nông thôn giai đoạn 2020-2025 trên địa bàn tỉnh, đồng thời đăng tải dự thảo Kế hoạch trên cổng thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn <http://sonnptnt.backan.gov.vn>.

Để đảm bảo chất lượng văn bản trước khi trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị các cơ quan, đơn vị liên quan (như kính gửi) nghiên cứu tham gia ý kiến đối với dự thảo Kế hoạch phát triển ngành nghề nông thôn giai đoạn 2020-2025 trên địa bàn tỉnh do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu cho của UBND tỉnh (Có dự thảo Kế hoạch kèm theo).

Văn bản góp ý kiến của Quý cơ quan, đơn vị xin gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước **ngày 10 tháng 4 năm 2020**, đồng thời gửi bằng file điện tử theo địa chỉ: dungdm.nn@backan.gov.vn.

Vậy, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị các Quý cơ quan phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử

- Như kính gửi(g/y);
- UBND tỉnh (b/cáo);
- VP Sở (đăng trên Website của Sở);
- GD,PGD Sở (Ô Cương));
- Lưu: VP, CCPTNT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Ngọc Cương

Số:/KH-UBND

Bắc Kạn, ngày tháng .. năm 2020

<DỰ THẢO>

KẾ HOẠCH

**PHÁT TRIỂN NGÀNH NGHỀ NÔNG THÔN GIAI ĐOẠN 2020-2025 TRÊN ĐỊA
BÀN TỈNH BẮC KẠN**

Căn cứ Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn và Công văn số 7779/BNN-KTHT ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc triển khai thực hiện Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2020-2025, với các nội dung chính như sau:

PHẦN: I

THỰC TRẠNG NGÀNH NGHỀ NÔNG THÔN CỦA TỈNH

1. Thực trạng Ngành nghề nông thôn

Hiện nay trên địa bàn tỉnh có trên 13.602 cơ sở sản xuất kinh doanh ngành nghề nông thôn; bao gồm (Doanh nghiệp tư nhân 185, Công ty cổ phần 123, Hợp tác xã 158, Hộ kinh doanh 13.136 hộ). Tổng số lao động thường xuyên trong ngành nghề nông thôn khoảng 24.500 lao động.

Theo quy định tại Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn và qua báo cáo rà soát đánh giá thì hiện nay trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn không có nghề truyền thống, làng nghề truyền thống theo tiêu chí quy định. Về làng nghề theo báo cáo, tổng hợp của các huyện, thành phố Bắc Kạn thì có khoảng trên 30 điểm(cơ sở sản xuất, thôn, bản, làng...) có thể đủ điều kiện đáp ứng tiêu chí để công nhận là làng nghề .

Đánh giá chung:

Ngành nghề nông thôn của tỉnh hiện nay đã có sự phát triển, tạo nhiều việc làm, tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo cho người dân nông thôn. Các cơ sở ngành nghề nông thôn đã đang từng bước tạo ra sản phẩm hàng hoá ngày càng phong phú, đa dạng, đang dần đáp ứng được nhu cầu sản xuất và tiêu thụ của người dân nông thôn trên địa bàn, góp phần thúc đẩy quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

2. Những khó khăn, tồn tại trong phát triển ngành nghề

Ngành nghề nông thôn của tỉnh tuy đang phát triển nhưng còn chậm, mang tính tự phát, quy mô nhỏ lẻ, chưa có định hướng rõ ràng, công nghệ trang thiết bị đầu tư cho ngành nghề nông thôn còn lạc hậu, chất lượng sản phẩm hàng hóa sản xuất ra chưa cao và sức cạnh tranh còn yếu, chưa có nhiều sản phẩm nổi trội. Cơ sở ngành nghề nông thôn đa số đang khó khăn về vốn đầu tư cho khoa học kỹ thuật, công nghệ; vốn để phát triển mở rộng sản xuất kinh doanh và phát triển thị trường.

Lao động ngành nghề nông thôn chủ yếu chưa qua đào tạo lao động có tay nghề cao còn thiếu, chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn hàng năm tuy có nhưng chưa có chiều sâu Công tác đào tạo nghề truyền nghề đã được quan tâm chỉ đạo nhưng kết quả đạt được chưa cao. Việc ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất trong ngành nghề nông thôn còn nhiều hạn chế.

Hoạt động quản lý nhà nước đối với ngành nghề nông thôn chưa được phân định rõ ràng nên rất khó khăn trong quản lý và tổ chức thực hiện.

PHẦN: II

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN NGÀNH NGHỀ NÔNG THÔN GIAI ĐOẠN 2020 – 2025 CỦA TỈNH BẮC KẠN

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Đẩy mạnh phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề gắn với việc tổ chức sắp xếp lại hoạt động sản xuất ngành nghề khu vực nông thôn, nhằm tạo sự chuyển dịch về cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động trong khu vực nông thôn, giảm dần tình trạng sản xuất còn mang tính thuần nông, tạo thêm nhiều ngành nghề mới, tạo việc làm, tăng thu nhập cho hộ gia đình ở khu vực nông thôn. Đồng thời khai thác tốt hơn nữa tài nguyên, thiên nhiên nguồn lao động tại chỗ và tiềm năng lợi thế của từng địa phương trong tỉnh. Nâng cao giá trị các sản phẩm nông lâm nghiệp, thủy sản thông qua chế biến. Phát triển những ngành nghề phi nông nghiệp ở khu vực nông thôn ngày càng tăng, góp phần thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn gắn với công cuộc xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh;

Phát triển các ngành nghề tập trung chủ yếu trong 7 nhóm ngành nghề quy định tại Nghị định số 52/2018/NĐ-CP để phát triển thành các làng nghề. Phát triển các nghề phi nông nghiệp, các nghề mang tính trọng điểm, các Doanh nghiệp, hợp tác xã và các dịch vụ gắn với ngành nghề nông thôn; hình thành các sản phẩm có thương hiệu mạnh, gắn phát triển làng nghề với khai thác tốt tiềm năng du lịch- sinh thái; từng bước mở rộng sản xuất kinh doanh, xuất khẩu các sản phẩm hàng hóa của ngành nghề nông thôn của từng địa phương trên địa bàn tỉnh. Phát triển ngành nghề, làng nghề phải gắn với việc quan tâm bảo vệ môi trường, sinh thái.

Tăng cường hơn nữa sự phối hợp giữa các cấp các ngành và các tổ chức đoàn thể quần chúng nhân dân, đặc biệt là ở cấp cơ sở trong công tác chỉ đạo điều hành, tổ chức triển khai thực hiện Nghị định số 52/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Yêu cầu

Công tác chỉ đạo để triển khai thực hiện phát triển ngành nghề nông thôn phải gắn với trách nhiệm và phát huy vai trò chủ động, tích cực của các cơ quan và địa phương trong triển khai thi hành Nghị định; bảo đảm chất lượng theo đúng mục tiêu, nội dung kế hoạch đề ra.

II. MỤC TIÊU KẾ HOẠCH

1. Mục tiêu chung

Phát triển ngành nghề nông thôn với quy mô, trình độ công nghệ ngày càng tiên tiến; chú trọng phát triển làng nghề với các sản phẩm là thế mạnh của địa phương và có giá trị kinh tế cao; gắn sản xuất ngành nghề nông thôn làng nghề với các hoạt động du lịch, văn hóa, lễ hội truyền thống của địa phương, từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân nông thôn.

Huy động mọi nguồn lực của các thành phần kinh tế tham gia phát triển làng nghề, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn gắn với thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và Đề án mỗi xã phường một sản phẩm - OCOP.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

- Từ nay đến năm 2025: Phát triển công nhận tối thiểu 30 làng nghề nông thôn, bình quân 5 làng nghề/năm

- Hỗ trợ cơ sở ngành nghề, làng nghề nông thôn xây dựng nhãn hiệu hàng hóa và đăng ký các hình thức bảo hộ sở hữu trí tuệ, Xúc tiến thương mại;

- Hỗ trợ Phát triển sản phẩm ngành nghề nông thôn, làng nghề gắn với chương trình mỗi xã phường một sản phẩm - OCOP:

+ Xây dựng điểm trung bày giới thiệu sản phẩm ngành nghề nông thôn, làng nghề - OCOP: 08 điểm, Bình quân mỗi huyện có một điểm trung bày sản phẩm ngành nghề của địa phương;

+ Tiếp tục Phát triển sản xuất kinh doanh sản phẩm ngành nghề nông thôn và đầu tư theo chiều sâu và quy mô sản phẩm; để đến năm 2025 có ít nhất 100 sản phẩm ngành nghề nông thôn, làng nghề gắn với chương trình - OCOP đạt từ 3 sao trở lên, trong đó có từ 3 đến 5 sản phẩm đạt 5 sao tham gia thị trường xuất khẩu;

+ Hỗ trợ cơ sở sản xuất, ngành nghề có nguy cơ gây ô nhiễm di dời ra vùng quy hoạch.

- Xây dựng ít nhất từ 3 đến 5 làng nghề gắn với du lịch, lễ hội, văn hóa truyền thống trên địa bàn tỉnh.

- Kết hợp với chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn hàng năm theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ; đào tạo khoảng trên 1500 người (lao động cho các cơ sở ngành nghề nông thôn, lao động tại các làng nghề)

III. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề

Phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề theo hướng gắn với thị trường tiêu thụ và thương hiệu sản phẩm, thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với xây dựng nông thôn mới.

Tập trung hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề có thị trường tiêu thụ tốt; làng nghề gắn với phát triển du lịch, thương mại và chương trình xây dựng nông thôn mới, chương trình thực hiện Đề án mỗi xã phường một sản phẩm (OCOP) để tạo nhiều việc làm, tăng thu nhập cho người dân nông thôn.

2. Công nhận làng nghề

Ủy ban nhân dân huyện, thành phố xem xét về tiêu chí theo quy định, lập hồ sơ đề nghị công nhận làng nghề theo tiêu chí quy định tại Điều 5, 6 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.

3. Phát triển các nhóm ngành nghề ưu tiên

- Nhóm ngành nghề chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản:

Tổ chức rà soát, kiểm tra các cơ sở ngành nghề, làng nghề chế biến nông, lâm, thủy sản theo hướng các cơ sở chế biến phải gắn với vùng nguyên liệu, có công nghệ phù hợp, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn quy định hiện hành và gắn với bảo vệ môi trường. Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, xây dựng thương hiệu, cải tiến bao bì mẫu mã, hình thức. Khuyến khích đầu tư kỹ thuật bảo quản và chế biến nhằm tăng giá trị sản phẩm, phát triển các cơ sở sản xuất, sơ chế, chế biến bảo quản ngay tại vùng nguyên liệu. xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung gắn với công nghiệp chế biến sản phẩm gia súc, gia cầm nhằm nâng cao giá trị sản phẩm.

- Nhóm ngành nghề sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, cơ khí nhỏ:

+ Ngành nghề sản xuất đồ gỗ: Phát triển theo hướng nâng cấp, mở rộng các cơ sở chế biến gỗ nguyên liệu từ rừng trồng hiện nay lên thành gia công và sản xuất các chi tiết, sản phẩm phục vụ ngành đồ gỗ gia dụng và xuất khẩu.

+ Ngành nghề chế biến nguyên liệu mây tre đan, đồ thủ công mỹ nghệ:

Phát triển, đầu tư có chiều sâu cho các ngành nghề chế biến mây tre đan, đồ thủ công mỹ nghệ trên địa bàn tỉnh. Quy hoạch, bảo tồn những vùng nguyên liệu sẵn có của địa phương để phục vụ cung cấp nguyên liệu cho sản xuất;

+ Ngành nghề cơ khí nhỏ: Xây dựng ở mỗi huyện, thành phố từ 1 đến 2 cơ sở làm nòng cốt cho sản xuất cơ khí và sửa chữa cơ khí tại địa phương để hỗ trợ cơ giới hóa trong sản xuất nông lâm nghiệp (*Cho các khâu làm đất, chăm sóc, thu hoạch và bảo quản sau thu hoạch, chế biến...*).

- Ngành nghề sản xuất và kinh doanh sinh vật cảnh: Hỗ trợ phát triển các nhóm hộ, ở các huyện, thành phố mở các lớp đào tạo nghề về hoa kiểng, tạo ra các điểm kinh doanh sinh vật cảnh tại các địa phương gắn với du lịch sinh thái. Phát triển mô hình câu lạc bộ, hợp tác xã sinh vật cảnh nhằm tập hợp vốn và kinh nghiệm để hợp tác thực hiện các hợp đồng cung ứng các sản phẩm có giá trị lớn của địa phương.

- Các dịch vụ phục vụ sản xuất, đời sống dân cư nông thôn: Tập trung phát triển các tổ hợp ngành nghề dịch vụ phục vụ sản xuất và đời sống ở nông thôn, nhất là Phát triển mạnh dịch vụ cung ứng giống, phân bón, vật tư nông nghiệp và dịch vụ làm đất, gieo cấy, phòng trừ dịch hại, thu hái, khoa học kỹ thuật.

IV. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

Nguồn kinh phí đảm bảo thực hiện từ nguồn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và Giảm nghèo bền vững, Chương trình khuyến nông, khuyến công; ngân sách địa phương và các nguồn huy động hợp pháp khác.

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp về nguồn nguyên liệu

Hỗ trợ phát triển các nguồn nguyên liệu có thế mạnh của tỉnh. Các loại nông, lâm sản phổ biến như chè, cam quýt, hồng, mơ mận, chuối, gạo đặc sản của các địa phương, ngô, sắn; keo, mỡ, quế, hồi và các cây dược liệu quý; sản phẩm từ chăn nuôi như trâu, bò, lợn, Dê, gia cầm, thủy cầm...; chỉ đạo các địa phương phân loại rõ quy hoạch sử dụng đất để phát triển các vùng nguyên liệu tập trung tạo tính ổn định, cung ứng phục vụ sản xuất và đảm bảo về chất lượng của các sản phẩm chế biến;

2. Giải pháp về nguồn nhân lực

Triển khai có hiệu quả Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn, trong đó ưu tiên, chú trọng các nghề phục vụ trực tiếp các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực

nông nghiệp, các hợp tác xã, làng nghề, cơ sở chế biến. Đào tạo nghề phải gắn với giải quyết việc làm cho người lao động chưa có việc làm. Phối hợp chặt chẽ với các doanh nghiệp có sử dụng lao động nông nghiệp, các cơ sở sản xuất, làng nghề trong đào tạo để gắn lý thuyết và thực hành nhằm tạo được đội ngũ lao động ngành nghề nông thôn có tay nghề, chất lượng. Thực hiện chính sách của tỉnh hỗ trợ những người có tay nghề, kỹ thuật để khuyến khích truyền nghề, đào tạo nghề cũng như phát triển thêm nghề mới tại các địa phương có điều kiện phát triển;

Phối hợp với các chương trình, dự án, đề án để thu hút các chuyên gia về phát triển ngành nghề nông thôn, các chuyên gia về phát triển sản phẩm, chuyên gia kỹ thuật sản xuất và thị trường.

3. Giải pháp về chính sách

Căn cứ kết quả phát triển ngành nghề của các địa phương, hàng năm báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, cân đối bố trí kinh phí triển khai thực hiện kế hoạch phát triển ngành nghề nông thôn theo quy định tại Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn và Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; bố trí nguồn kinh phí để triển khai chương trình, dự án phát triển làng nghề;

Đẩy mạnh hoạt động khuyến nông, khuyến công, tăng cường huy động các nguồn lực cho phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn. Hàng năm bố trí cho lĩnh vực phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn;

Phối hợp chặt chẽ với các tổ chức tín dụng, hệ thống ngân hàng tổ chức triển khai có hiệu quả chương trình tín dụng ngân hàng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; các chương trình hỗ trợ vay vốn trên địa bàn tỉnh;

Nguồn kinh phí triển khai thực hiện nhiệm vụ tại Kế hoạch này được bố trí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các chính sách, văn bản hướng dẫn hiện hành.

4. Giải pháp về xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu và tiêu thụ sản phẩm

Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá và tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm; tiếp tục nghiên cứu, lựa chọn các làng nghề và sản phẩm làng nghề tiêu biểu để xây dựng thương hiệu;

Đẩy mạnh công tác truyền truyền và tiếp tục hỗ trợ xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm của các thành phần kinh tế tham gia đầu tư vào lĩnh vực ngành nghề nông thôn. Tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở ngành nghề nông thôn, làng nghề tham gia các hội chợ, triển lãm hàng năm do Trung ương, tỉnh tổ chức.

Hỗ trợ cho các cơ sở ngành nghề nông thôn xây dựng trang thông tin điện tử giới thiệu sản phẩm, bán hàng trực tuyến; thiết kế mẫu mã sản phẩm, bao bì đóng gói, xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý xuất xứ hàng hóa, bảo hộ thương hiệu; tham gia các hội thi sản phẩm.

5. Các giải pháp khác

Tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế, hợp tác, liên doanh, liên kết; giúp đỡ, hỗ trợ đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh ngành nghề nông thôn, đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, giám sát;

Tăng cường công tác quản lý nhà nước tại các địa phương, phát hiện và xử lý kịp thời những khó khăn, vướng mắc của các cơ sở ngành nghề nông thôn, làng nghề để thúc đẩy phát triển sản xuất; đồng thời ngăn chặn, phát hiện, đình chỉ kịp thời mọi hoạt động vi phạm trong phát triển ngành nghề nông thôn theo quy định của pháp luật. Xử lý nghiêm những cơ sở vi phạm quy định trong sản xuất, kinh doanh, thông báo rộng rãi những sản phẩm không bảo đảm chất lượng cho nhân dân phòng tránh.

VI. NHIỆM VỤ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Phát triển nông thôn) là cơ quan chủ trì, tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước đối với nghề truyền thống, các làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh có quyền hạn, trách nhiệm:

Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và đơn vị có liên quan triển khai thực hiện kế hoạch, tổng hợp kế hoạch của các địa phương đảm bảo các nội dung Kế hoạch phát triển ngành nghề nông thôn đề ra. Hướng dẫn, tổ chức triển khai, thực hiện, kiểm tra, giám sát đánh giá định kỳ hoặc đột xuất việc thực hiện các cơ chế, chính sách, quy hoạch, các đề án, dự án, chương trình bảo tồn, kế hoạch phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn.

Chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án hỗ trợ phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn; hỗ trợ các cơ sở làng nghề, ngành nghề nông thôn tham gia các hội chợ triển lãm trong nước và nước ngoài, hội thi các sản phẩm thuộc làng nghề, ngành nghề nông thôn nhằm quảng bá, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm theo kế hoạch hàng năm.

Tiếp nhận hồ sơ (theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP của Chính phủ) của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố về đề nghị công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống. Phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị có liên quan tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng xét công nhận làng nghề để xét ra Quyết định.

Chủ trì phối hợp với các Sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức kiểm tra, đánh giá và thẩm định mức độ đạt các tiêu chí với hồ sơ đề nghị công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống; tham mưu cho Hội đồng xét công nhận báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định và cấp bằng công nhận; hàng năm phối hợp với các Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát, kiểm tra thực tế và tổng hợp tình hình hoạt động của các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống đã được công nhận. Lập danh sách các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống sau khi được công nhận không đạt các tiêu chí theo quy định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, thu hồi Bằng công nhận.

Xây dựng kế hoạch và tổng hợp dự toán kinh phí triển khai, thực hiện việc công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống và hỗ trợ phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn gửi Sở Tài chính tổng hợp vào phương án phân bổ ngân sách trong kế hoạch hàng năm, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định, quy định xét công nhận nghề nhân, thợ giỏi, người có công đưa nghề mới vào phát triển tại tỉnh. Phong tặng nghệ nhân trong các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

Định kỳ 6 tháng và hàng năm tổng hợp tình hình hoạt động, sản xuất kinh doanh của các làng nghề, cơ sở ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí các nguồn lực, lồng ghép các chương trình dự án, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới để hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề, làng nghề truyền thống.

Tổ chức các chương trình hợp tác, xúc tiến đầu tư nhằm thu hút các nguồn vốn trong và ngoài nước liên kết đầu tư vào lĩnh vực phát triển ngành nghề nông thôn.

3. Sở Tài Chính

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương, phối hợp với các Sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí hàng năm theo phân cấp ngân sách hiện hành để triển khai thực hiện việc công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống và hỗ trợ phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn theo kế hoạch hàng năm trên địa bàn tỉnh.

Phối hợp với các sở ngành liên quan, bổ sung cơ chế, chính sách, mức chi và hướng dẫn thực hiện chính sách phát triển ngành nghề nông thôn, theo quy định tại (Nghị định số 52/2018/NĐ-CP của Chính phủ) .

4. Sở Công Thương

Tổ chức thực hiện các hoạt động liên quan đến phát triển cụm công nghiệp, chương trình hỗ trợ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định. Hàng năm, xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí hoạt động cho phát triển ngành nghề nông thôn từ chương trình khuyến công và tổ chức thực hiện theo quy định của luật ngân sách nhà nước.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình khuyến công, các hoạt động xúc tiến thương mại nhằm khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tham gia phát triển sản xuất công nghiệp nông thôn, áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp, sản phẩm – OCOP. Hướng dẫn, tạo điều kiện để các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống tham gia các hội chợ, triển lãm thương mại trong và ngoài nước.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường

Hướng dẫn các thủ tục về giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho các cơ sở ngành nghề nông thôn theo quy định của pháp luật về đất đai.

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan tổ chức thực hiện kiểm tra, đánh giá, phân loại làng nghề theo mức độ ô nhiễm và xác nhận các làng nghề đáp ứng hoặc không đáp ứng đủ tiêu chí về bảo vệ môi trường theo các quy định hiện hành, phục vụ công tác xét công nhận và thu hồi Bằng công nhận hàng năm.

Quản lý và thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường tại các làng nghề, cơ sở ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh, đảm bảo phù hợp với Kế hoạch phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn. Rà soát, hỗ trợ các cơ sở, làng nghề xử lý ô nhiễm môi trường, tăng cường kiểm tra, thanh tra trong lĩnh vực bảo vệ môi trường tại làng nghề đúng quy định tại Quyết định số 577/QĐ-TTg ngày 11/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng thể Bảo vệ môi trường làng nghề đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

Xây dựng kế hoạch và bố trí kinh phí hỗ trợ ứng dụng khoa học và công nghệ cho lĩnh vực phát triển ngành nghề nông thôn trong kế hoạch hàng năm của tỉnh.

Hướng dẫn, quản lý công nghệ sản xuất, hạn chế việc đưa công nghệ cũ, lạc hậu vào làng nghề, cơ sở ngành nghề nông thôn và khu vực dân cư nông thôn.

Hướng dẫn trình tự, thủ tục hỗ trợ chuyển giao, đổi mới công nghệ và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến, thân thiện với môi trường; hỗ trợ xây dựng, đăng ký và bảo hộ, xác lập quyền sở hữu công nghiệp cho sản phẩm nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

7. Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Bắc Kạn

Chỉ đạo các ngân hàng, tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi để các chủ dự án, các cơ sở sản xuất kinh doanh trong làng nghề được vay vốn và được hưởng những ưu đãi về chính sách tín dụng theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phát triển nông nghiệp, nông thôn.

8. Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch

Chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn và thẩm định các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống đề nghị công nhận đạt tiêu chí bản sắc văn hóa dân tộc theo quy định. Hướng dẫn, giới thiệu với khách du lịch các điểm du lịch gắn với phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh; hỗ trợ tổ chức các lớp tập huấn kiến thức du lịch cộng đồng, kỹ năng giao tiếp cho các thành viên làng nghề để phục vụ cho khách du lịch tham quan, mua sắm; chỉ đạo vận động các cơ sở lưu trú du lịch, điểm tham quan du lịch trên địa bàn tỉnh nhận trưng bày, ký gửi tiêu thụ sản phẩm của làng nghề.

9. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Hướng dẫn, kiểm tra, tổ chức thực hiện các chính sách hỗ trợ về đào tạo nghề, chú ý đào tạo nghề nhằm nâng cao tay nghề thợ thủ công và truyền nghề cho lao động nông thôn tại các làng nghề, cơ sở ngành nghề; hướng dẫn thực hiện các văn bản có liên quan đến lao động, giải quyết việc làm; triển khai, hướng dẫn đôn đốc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động tại các làng nghề, cơ sở ngành nghề.

Chủ trì phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, tổng hợp kế hoạch hàng năm về đào tạo nghề cho lao động nông thôn và hướng dẫn triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác đào tạo nghề, truyền nghề từ 3 tháng đến 1 năm. Xây dựng kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo chính sách hiện hành, trong đó chú trọng đào tạo nghề cho lao động ở các cơ sở ngành nghề nông thôn, làng nghề, Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác. Hướng dẫn, đôn đốc cấp huyện, Thành phố tổ chức dạy nghề cho lao động nông thôn tại địa phương.

10. Sở Thông tin và Truyền thông

Chỉ đạo Cổng giao tiếp điện tử tỉnh, trang thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước trên địa bàn, Đài truyền thanh, truyền hình cấp huyện tăng cường tin, bài tuyên truyền nhằm thúc đẩy phát triển làng nghề nông thôn của tỉnh.

11. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Bắc Kạn

Phối hợp với các sở, ngành liên quan đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, giới thiệu phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển ngành nghề nông thôn theo Nghị định số 52/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ. Thường xuyên giới thiệu các sản phẩm và các chuyên đề phục vụ cho phát triển ngành nghề nông thôn.

12. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

12.1. Thống nhất giao nhiệm vụ chủ trì, quản lý nhà nước đối với làng nghề, ngành nghề nông thôn ở cấp huyện, thành phố cho Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế.

12.2. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương hướng dẫn các làng nghề tổ chức thực hiện bảo vệ môi trường làng nghề theo quy định của pháp luật hiện hành. Thực hiện kiểm tra, rà soát các làng nghề sau khi được công nhận chưa đáp ứng các điều kiện về bảo vệ môi trường thì xây dựng kế hoạch thực hiện việc khắc phục.

12.3. Đẩy mạnh thực hiện các cơ chế, chính sách phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn theo quy định tại Nghị định 52/2018/NĐ-CP; triển khai quy hoạch, chương trình, kế hoạch phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn, Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề, phương án, dự án bảo vệ môi trường làng nghề.

12.4. Phối hợp với các Sở, ngành, tổ chức liên quan tạo điều kiện để các làng nghề, cơ sở ngành nghề nông thôn được thụ hưởng các chính sách của Nhà nước về khuyến khích phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn. Bố trí ngân sách hàng năm để hỗ trợ phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn.

12.5. Tuyên truyền, phổ biến Nghị định 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn đến các cơ sở ngành nghề nông thôn. Hướng dẫn các cơ sở sản xuất ngành nghề nông thôn xây dựng các chương trình, dự án, kế hoạch về phát triển ngành nghề nông thôn theo tiêu chí để được hưởng chính sách hỗ trợ của Nhà nước.

12.6. Hàng năm, xây dựng kế hoạch, đề án, dự án hỗ trợ phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống, ngành nghề nông thôn trên địa bàn gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trong kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn của tỉnh nhằm khai thác, phát huy ngành nghề lợi thế của địa phương gắn với xây dựng nông thôn mới và bảo vệ môi trường.

12.7. Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng, tổng hợp dự toán kinh phí phát triển ngành nghề nông thôn vào dự toán ngân sách hàng năm của địa phương, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật. Ngoài nguồn kinh phí bố trí trực tiếp thực hiện chính sách này, các địa phương có trách nhiệm bố trí, cân đối thêm từ các nguồn kinh phí các chương trình, dự án khác và nguồn hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế để hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn.

12.8. Chỉ đạo các phòng, ban liên quan phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn rà soát các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn đủ tiêu chí công nhận và tổ chức đánh giá cụ thể mức độ đạt các tiêu chí, lập hồ sơ đề nghị công nhận trình Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nông nghiệp và

Phát triển nông thôn) xem xét, quyết định. Tổ chức công bố nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống sau khi được công nhận.

12.9. Hàng năm, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát, kiểm tra thực tế, đánh giá tình hình hoạt động của nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống đã được công nhận. Lập danh sách các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống sau khi được công nhận không đạt tiêu chí quy định gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, thu hồi bằng công nhận.

12.10. Chỉ đạo phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế theo dõi tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh và phát triển của các nghề, làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn, thu thập và tổng hợp số liệu báo cáo về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo định kỳ 06 tháng (trước ngày 15 tháng 6 hàng năm) và báo cáo năm (trước ngày 15 tháng 12 hàng năm) hoặc đột xuất khi có yêu cầu báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện Kế hoạch để tổng hợp, báo cáo Bộ Nông nghiệp & PTNT và Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch mang tính định hướng về phát triển ngành nghề nông thôn giai đoạn 2020-2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc đề nghị đơn vị, địa phương báo cáo kịp thời về UBND tỉnh (thông qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) để xem xét, giải quyết./.

(Gửi kèm phụ lục danh mục nhiệm vụ)

Nơi nhận:

Gửi bản giấy:

- Bộ NN và PTNT (b/c);

Gửi bản điện tử:

- TTTU, TT HĐND tỉnh (b/c);

- CT và các PCT UBND tỉnh;

- Các sở, ban, ngành tỉnh;

- UBND các huyện, thành phố BK;

- Lưu: VT.VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

PHỤ LỤC: DANH MỤC NHIỆM VỤ

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng năm 2020 của UBND tỉnh
Bắc Kạn

TT	NHIỆM VỤ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian
1	Xây dựng kế hoạch đào tạo nghề cho LĐNT	Sở LĐ-TB&XH	SNN&PTNT, UBND các huyện, TP	Hàng năm
2	Bổ sung cơ chế chính sách, hỗ trợ Phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề, SF đặc trưng của địa phương và chính sách khi được công nhận làng nghề...	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở ngành liên quan và UBND các huyện, TP	2020
3	Khảo sát, hướng dẫn công nhận làng nghề	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, TP	Hàng năm
4	a) Tổ chức, tham gia hội trợ, triển lãm về sản phẩm làng nghề, ngành nghề, nông lâm sản và công nghệ, máy thiết bị chế biến b) Thực hiện chính sách khuyến công, xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu cho các cơ sở ngành nghề nông thôn	Sở Công Thương	(a) SNN&PTNT, UBND các huyện, TP (b) UBND các huyện, TP và các đơn vị liên quan	Hàng năm Hàng năm
5	Phát triển du lịch, xây dựng các điểm dừng chân cho du khách có trung bày các sản phẩm ngành nghề. Xây dựng thông tin du lịch kết hợp với giới thiệu các sản phẩm đặc trưng của địa phương và đồ thủ công, mỹ nghệ	Sở VH-TT và DL	UBND các huyện, TP và các đơn vị liên quan	2020-2025
6	Công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống	Sở NN và PTNT	Sở ban ngành, UBND các huyện, TP và các đơn vị liên quan	Hàng năm
7	Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, dự án hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề	Các Sở: Công thương, Nông nghiệp & PTNT, Văn hóa- Thể thao và Du lịch, Lao động-Thương binh và Xã hội, Khoa học và công nghệ theo chức năng nhiệm vụ	Các đơn vị liên quan	Hàng năm